

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

**Về dự toán thu, chi, thẩm định chế độ miễn, giảm học phí, cấp bù học phí;
hỗ trợ chi phí học tập, học sinh khuyết tật, ăn trưa
học kỳ I - Năm học 2024-2025**

Hôm nay, ngày 11 tháng 10 năm 2024, tại Phòng Giáo dục và Đào tạo Diễn Châu.

I. Thành phần làm việc

1. Đại diện phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Ông: Mai Ngọc Long Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
- Bà Lê Thị Thanh Tâm Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo

2. Đại diện đơn vị: **Mầm non** **Diễn Yên**

- | | | |
|------|---------------------|-------------|
| - Bà | Trần Thị Thanh Tình | Hiệu trưởng |
| - Bà | Chu Thị Bình | Kế toán |

II. Nội dung làm việc

1. Các căn cứ triển khai thực hiện

- Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;
- Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 thông tư liên tịch quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật
- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục công lập, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2023-2024.
- Công văn số: 1966/SGD&ĐT - KHTC ngày 05/09/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An
- Căn cứ tờ trình số 62/TTr-MNDY của trường Mầm non Diễn Yên ngày 11/10/2024 về việc xin phê duyệt chế độ học sinh HK I- năm học 2024-2025

2. Nội dung thực hiện

- Tổng hợp dự toán thu, chi học phí;
- Thẩm định chế độ cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021;

III. Kết quả làm việc như sau:

1. Dự toán thu, chi học phí và cấp bù học phí

1.1. Dự toán thu, chi học phí học kỳ I năm học 2024- 2025

Đơn vị: 1000 đồng

Đối tượng - khu vực	Tổng số học sinh	Mức thu/tháng	Số tiền HP thu theo quy định	40% học phí thực hiện cải cách tiền lương	Bổ sung kinh phí chi sự nghiệp và hỗ trợ hoạt động giảng dạy và bổ sung CSVC.
- Phường thuộc TP.Vinh.					
- Xã thuộc TP.Vinh; Phường thuộc TX; Thị xã; trấn thuộc huyện đồng bằng					
- Xã thuộc TX, xã thuộc huyện đồng bằng (trừ xã miền núi); Thị trấn thuộc huyện miền núi thấp	539	100	215 600	86 240	129 360
- Xã miền núi thuộc huyện đồng bằng; xã, thị trấn thuộc huyện miền núi cao; xã thuộc huyện miền núi thấp; vùng có ĐK KT-XH ĐBKK theo quy định.	1	45	180	72	108

1.2. Cấp bù miễn, giảm học phí:

Đơn vị: 1000 đồng

Đối tượng - khu vực	Tổng số học sinh	Mức thu/tháng	Số miễn nộp HP		Số giảm 70% HP		Số giảm 50% HP		Tổng số tiền cấp bù miễn, giảm
			Số HS	Số tiền	Số HS	Số tiền	Số HS	Số tiền	
- Xã thuộc TX, xã thuộc huyện đồng bằng (trừ xã miền núi); Thị trấn thuộc huyện miền núi thấp	288	100	4	1 600			10	2 000	3 600
- Trẻ em 5 tuổi	194	100	194	77 600					77 600
- Trẻ em 5 tuổi (MG Cầu Vòng)	35	100	35	14 000					14 000
- Trẻ em 5 tuổi (MG Hoa Mai)	35	100	35	14 000					14 000
- Xã miền núi thuộc huyện đồng bằng; xã, thị trấn thuộc huyện miền núi cao; xã thuộc huyện miền núi thấp; vùng có ĐK KT-XH ĐBKK theo quy định.	1	45	1	180					180
Cộng	553		269	107 380			10	2 000	109 380

2. Đối tượng được hưởng và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập

Nội dung	Học kỳ 1
2.1. Tổng số học sinh hiện có:	540
2.2. HS thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập, gồm:	5
- Học sinh bị khuyết tật (Không thuộc HN, hộ cận nghèo)	
- Học sinh con mồ côi cả cha lẫn mẹ:	
- Học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo:	4
- Học sinh thường trú tại xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi	1
2.3. Nhu cầu kinh phí chi trả hỗ trợ 1 HS/ tháng (nghìn đồng)	150
2.4. Số tháng hỗ trợ:	4
2.5. Nhu cầu kinh phí chi trả hỗ trợ (nghìn đồng)	3 000

3. Đối tượng được hưởng và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ trẻ ăn trưa

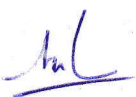
Đối tượng	Số học sinh	Chế độ ăn trưa
- Trẻ em mẫu giáo thuộc con mồ côi cả cha lẫn mẹ		
- Trẻ em mẫu giáo khuyết tật		
- Trẻ em mẫu giáo con của NCCCM	2	1 280
- Trẻ em mẫu giáo thuộc con hộ nghèo	4	2 560
- Trẻ em mẫu giáo thuộc con hộ cận nghèo	14	8 800
- Trẻ em MG thuộc xã ĐBKK	1	640
Tổng	21	13 280

IV. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ (Nghìn đồng)

125 660

Trên đây là kết quả tổng hợp dự toán thu, chi, chế độ cấp bù học phí, chi phí học tập, chế độ trẻ ăn trưa. Đơn vị tổ chức thu, chi và sử dụng các nội dung trên đúng theo quy định hiện hành, thực hiện chi trả đầy đủ chế độ học sinh thuộc đối tượng chính sách, phản ánh đầy đủ vào sổ sách của kế toán đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của mình.

Kế toán



Chu Thị Bình

Hiệu trưởng



Trần Thị Thanh Tinh

CHUYÊN VIÊN



Lê Thị Thanh Tâm

TRƯỞNG PHÒNG



Mai Ngọc Long